TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 130/2023/DS-PT Ngày: 06-6-2023 V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhiên**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Quang Tấn**

Bà **Trần Thị Chọn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Văn Đương** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023, về việc *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 78/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn***: Bà **Châu Thị B**, sinh năm 1968. Có mặt

Địa chỉ: Số 135, tổ 02, ấp Cống C, xã Vĩnh Đ, huyện Giang Th, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà Châu Thị B: Ông **Mai Hồng H**, sinh năm 1969. Có mặt ngày 01/6, vắng mặt ngày 06/6

Địa chỉ: Tổ 05 (Nay là Tổ 08), ấp Rạch Đ, xã Bình Tr, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang (Giấy ủy quyền do Chủ tịch UBND xã Vĩnh Điều chứng thực ngày 22/6/2021).

****Bị đơn:*** Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1976 và bà **Sơn Thị Mỹ Ng**, sinh năm 1978. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 03, ấp Cống C, xã Vĩnh Đ, huyện Giang Th, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp cho các bị đơn ông Lê Văn B và bà Sơn Thị Mỹ Ng: Bà **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 06, khóm An B, thị trấn Ba Ch, huyện Tri T, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Đường Lý tự Tr, Hẻm 8, Khóm 3, thị trấn Tri T, huyện Tri T, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền do Văn phòng Công chứng Huỳnh Thúy Ph công chứng ngày 24/11/2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ Xuất khẩu V.**

Địa chỉ trụ sở: Số 132, tổ 03, ấp Hòa Kh, xã Tân Khánh H, huyện Giang Th, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ xuất khẩu V: Ông **Trần Hữu T**, sinh ngày 20/02/1991, chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt

Người kháng cáo: Bị đơn ông **Lê Văn B** và bà **Sơn Thị Mỹ Ng**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2021 và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Châu Thị B; ông Mai Hồng H trình bày:

Do quen biết làm ăn nên vào ngày 31/01/2021 bà Châu Thị B có cho vợ chồng ông Lê Văn B và bà Sơn Thị Mỹ Ng vay số tiền 5.412.000.000 đồng (Năm tỷ bốn trăm mười hai triệu đồng) và ngay sau đó bà Ng đã trả 212.000.000 đồng, nên còn lại số tiền 5.200.000.000 đồng (Năm tỷ hai trăm triệu đồng). Ngày 15/02/2021 bà Sơn Thị Mỹ Ng nhận vay thêm 400.000.000 đồng. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 3%/tháng; không ấn định thời hạn cho vay mà theo thường lệ vay trả và trả lại vay. Tính đến hết ngày 20/4/2021 bà Ng đã đóng lãi cho bà B được 300.000.000 đồng thì ngưng đóng. Bà Ng uống thuốc tự tử và lánh mặt không đòi được nợ. Bà Châu Thị B yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Lê Văn B và bà Sơn Thị Mỹ Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Châu Thị B số tiền vay gốc là 5.600.000.000đồng (Năm tỷ sáu trăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ ngày 21/4/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, bà Châu Thị B không có yêu cầu thêm vấn đề gì khác.

Về yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo Quyết định số: 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành đã được bà Châu Thị B tự nguyện đề nghị hủy bỏ và Tòa án ra Quyết định số: 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 21/02/2023 để hủy bỏ quyết định nói trên.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, bà Châu Thị B cung cấp cho Tòa án 02 sổ ghi nợ. Mặt khác, đề nghị Tòa án căn cứ kết quả giám định theo Kết luận giám định số: 4291/KL-KTHS ngày 14/10/2022 của Phân viện

Khoa học Hình sự-Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh, về trưng cầu giám định chữ viết đối với bà Sơn Thị Mỹ Ng.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng nộp tạm ứng chi phí tố tụng trưng cầu Giám định bà Châu Thị B tự nguyện chịu toàn bộ và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai đề ngày 16/7/2021 ông Lê Văn B trình bày:

Vợ chồng ông không có biết số nợ này, ông có hỏi vợ ông, vợ ông cũng không biết. Các chứng cứ bà B cung cấp cho Tòa ông cũng không biết. Nay bà B yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 5.600.000.000 đồng và lãi phát sinh ông không đồng ý. Ông không thừa nhận các chứng cứ do bà B cung cấp.

Tại Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải cùng ngày 15/11/2022 người đại diện hợp pháp cho các bị đơn ông Lê Văn B và bà Sơn Thị Mỹ Ng là bà Nguyễn Thị Nh trình bày:

Hiện tại bà Sơn Thị Mỹ Ng đang trị bệnh, ông B đang nuôi bà Ng và không biết bà Ng trị bệnh ở đâu, tình trạng sức khỏe như thế nào, nên không cung cấp được địa chỉ của bà Ng để Tòa án liên hệ làm việc. Mặt khác, theo như lời của ông B, bà Ng thì trước đây giữa vợ chồng ông B, bà Ng có quen biết và trao đổi tiền để đi qua Campuchia mua lúa. Do ông B và bà Ng không thừa nhận có nợ bà Châu Thị B số tiền 5.600.000.000đ (Năm tỷ sáu trăm triệu đồng), nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị B.

Tại Bản tự khai đề ngày 24/11/2022 người đại diện hợp pháp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ xuất khẩu V ông Trần Hữu T trình bày:

Trước đây ông Lê Văn B có hùn vốn vào Công ty để mở bến lúa hoạt động. Ngày 19/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Giang Thành ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để phong tỏa tài sản của ông B tại công ty (Hùn làm bến lúa). Hiện nay, bến lúa ngừng hoạt động nhưng Công ty vẫn hoạt động B thường. Việc Tòa án ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để phong tỏa tài sản của ông B tại Công ty không ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Công ty không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số: 02/PTP-HT ngày 03/3/2023 của Phòng Tư pháp huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang; phúc đáp:

Qua tra cứu hồ sơ, sổ đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Điều lưu tại Phòng Tư pháp huyện Giang Thành từ năm 1997 đến nay, trong sổ lưu đăng ký kết hôn không có tên chồng Lê Văn B, sinh năm 1976 và vợ Sơn Thị Mỹ Ng, sinh năm 1978; nơi cư trú Tổ 3, ấp Cống Cả, xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tại Văn bản số: 177/CAH-QLHC ngày 02/3/2023 của Công an huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang; phúc đáp:

Theo hồ sơ đăng ký thường trú ngày 25/5/2001 của đương sự Lê Văn B, sinh năm 1976 và Sơn Thị Mỹ Ng, sinh năm 1978 thể hiện như sau:

+ Giấy khai sinh của con là Lê Sơn Ngọc Ân, sinh ngày 18/01/2004 và Lê Sơn Hoàng Long, sinh ngày 09/12/2000 thể hiện tên cha là Lê Văn B, tên mẹ là Sơn Thị Mỹ Ng;

+ Trong bản khai nhân khẩu ngày 27/4/2001 của ông Lê Văn B thể hiện tên vợ là Sơn Thị Mỹ Ng;

+ Tại phiếu thu thập thông tin dân cư ngày 10/12/2018 của bà Sơn Thị Mỹ Ng, có thể hiện tên chồng là ông Lê Văn B;

+ Trong giấy khai sinh của con là Lê Sơn Ngọc Ân, sinh ngày 18/01/2004 nhập khai sinh ngày 16/3/2005 thể hiện tên cha là Lê Văn B, tên mẹ là Sơn Thị Mỹ Ng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Châu Thị B đối với vợ chồng bà Sơn Thị Mỹ Ng và ông Lê Văn B.

Buộc vợ chồng bà Sơn Thị Mỹ Ng và ông Lê Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Châu Thị B tổng số tiền cả gốc và lãi là 7.672.740.000 đồng (Bảy tỷ, sáu trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng); trong đó gốc 5.600.000.000 đồng và lãi 2.072.740.000 đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 03/4/2023, bị đơn ông Lê Văn B và bà Sơn Thị Mỹ Ng có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

Phía nguyên đơn yêu cầu yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 5.600.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/3/2023, lãi tính theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn B và bà Sơn Thị Mỹ Ng. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang. Buộc ông Lê Văn B, bà Sơn Thị Mỹ Ng phải trả lại cho bà B số tiền mượn 5.600.000.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm triệu đồng) và lãi suất 10%/năm từ ngày 13/3/2022 đến ngày 15/3/2023.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn B và bà Sơn Thị Mỹ Ng về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn B và bà Sơn Thị Mỹ Ng kháng cáo yêu cầu huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang. Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp, sổ ghi nợ (Bút lục 89 và 90) thể hiện trong ngày 31/01/2021 Ng mượn gì 8 2.000.000.000 2 tỷ; 1.000.000.000 1 tỷ; 1.000.000.000 1 tỷ; 1.000.000.000 1 tỷ; 200.000.000 Hai trăm triệu và 212.000.000 Hai trăm mười hai triệu, trả rồi. Ngày 15/02/2021 Ng mượn 400.000.000 Bốn trăm triệu. Như vậy, tổng các khoản vay trong ngày 31/01/2021 là 5.412.000.000đồng; đã trả 212.000.000đồng và còn nợ lại 5.200.000.000đồng. Trong ngày 15/02/2021 số tiền 400.000.000đồng; tổng cộng chung là 5.600.000.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm triệu đồng).

Phía bị đơn ông B bà Ng không thừa nhận là có vay tiền của nguyên đơn bà B. Vì vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Châu Thị B có đơn yêu cầu Tòa án Trưng cầu giám định đối với sổ ghi nợ của bị đơn bà Sơn Thị Mỹ Ng có trong sổ nợ. Ngày 27/7/2022 Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số: 03/2022/QĐ-TCGĐ để trưng cầu Phân Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định chữ viết của bà Ng có trong sổ nợ. Tại kết luận giám định số: 4291/KL-KTHS ngày 14/10/2022 của Phân viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ viết có nội dung: "Ng mượn gì 8 2.000.000.000 2 tỷ; Ng mượn gì 8 1.000.000.000 1 tỷ; Ng mượn gì 8

1.000.000.000 1 tỷ; "Ng mượn gì 8 200.000.000 hai trăm triệu; Ng mượn gì 8 212.000.000 hai trăm mười hai triệu; "Ng mượn 400.000.000 Bốn trăm triệu; "Ng mượn 1.400.000.000 một tỷ bốn trăm chiệu" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết đứng tên Sơn Thị Mỹ Ng trên 04 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người viết ra.

Ngoài ra, bị đơn ông Lê Văn B cho rằng vợ ông B là bà Sơn Thị Mỹ Ng không có vay tiền của nguyên đơn bà Châu Thị B; đồng thời người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Nh cũng xác định bà Ng không có vay tiền của bà B và yêu cầu hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho phản đối của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Như vậy, việc vợ chồng bà Sơn Thị Mỹ Ng và ông Lê Văn B vay tiền từ bà Châu Thị B mà cố tình trốn tránh, kéo dài thời gian không chịu trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm buộc ông B bà Ng trả cho bà B số tiền gốc 5.600.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà Châu Thị B đối với các bị đơn bà Sơn Thị Mỹ Ng và ông Lê Văn B là có cơ sở. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất 20%/năm của khoản tiền vay là chưa đúng theo quy định mà cần phải căn cứ vào khoản 2 Điều 468 để tính lãi suất 10%/năm mới phù hợp. Về thời điểm tính lãi suất, bản án sơ thẩm tính lãi suất từ ngày 31/01/2021 và ngày 15/02/2021 là chưa đủ căn cứ, vì theo khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 có quy đinh: "Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tại sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý". Trong trường họp này khi bà B đòi lại số tiền cho vay thì phía ông B bà Ng lẫn tránh không có thiện chí trả nợ. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Châu Thị B có cung cấp đơn tố giác ngày 13/5/2021 tố giác vợ chồng ông Lê Văn B và bà Sơn Thị Mỹ Ng đến Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do đó, cần căn cứ vào đơn tố giác để xác định thời gian tính lãi là có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà B chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 15/3/2022 đến ngày 15/3/2023 là tròn một năm, việc yêu cầu tính lãi này của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn được tính lại như sau:
Tính lãi từ ngày 15/3/2022 đến ngày 15/3/2023 là 12 tháng, vậy: 5.600.000.000 đồng x 12 tháng x 0,83% = 557.000.000 đồng.

Do đó, buộc vợ chồng bà Sơn Thị Mỹ Ng và ông Lê Văn B có trách nhiệm trả cho bà Châu Thị B tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 6.157.000.000 đồng

(Sáu tỷ một trăm năm mươi bảy triệu đồng), trong đó số tiền gốc là 5.600.000.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi là 557.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi bảy triệu đồng) là phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn B và bà Sơn Thị Mỹ Ng, sửa bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

[4] Đối với Quyết định số: 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang. Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đã được bà Châu Thị B tự nguyện đề nghị hủy bỏ và Tòa án sơ thẩm đã ra Quyết định số: 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 21/02/2023 để hủy bỏ quyết định nói trên; các khoản tiền bảo đảm đã nhận lại đầy đủ, nên cần ghi nhận và không phải xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn bà Châu Thị B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) bà B đã nộp xong.

[6]Về án phí:

[6.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Sơn Thị Mỹ Ng và ông Lê Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 6.157.000.000 đồng là 114.157.000 đồng [(4.000.000.000 đồng = 112.000.000 đồng + 2.157.000.000 đồng x 0,1% = 2.157.000 đồng)] (hai triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Bà ChâuThị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.800.000 đồng (Năm mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001983 ngày 28/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

[6.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn B và bà Sơn Thị Mỹ Ng được chấp nhận một phần nên ông B và bà Ng không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6.2.1] Ông Lê Văn B được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002794 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

[6.2.2] Bà Sơn Thị Mỹ Ng được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002795 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn B và bà Sơn Thị Mỹ Ng.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang về phần lãi suất.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Châu Thị B đối với vợ chồng bà Sơn Thị Mỹ Ng và ông Lê Văn B.

Buộc vợ chồng bà Sơn Thị Mỹ Ng và ông Lê Văn B có trách nhiệm trả cho bà Châu Thị B tổng số tiền cả gốc và lãi là 6.157.000.000 đồng (Sáu tỷ một trăm năm mươi bảy triệu đồng); trong đó tiền gốc là 5.600.000.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi là 557.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ghi nhận và không xem xét Quyết định số:04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang. Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ để đảm bảo thi hành án, do Quyết định bị hủy bỏ.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Châu Thị B về việc chịu toàn bộ chi phí giám định số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) bà B đã nộp xong.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Sơn Thị Mỹ Ng và ông Lê Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 114.157.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Bà Châu Thị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.800.000 đồng (Năm mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001983 ngày 28/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn B và bà Sơn Thị Mỹ Ng được chấp nhận một phần nên ông B và bà Ng không phải chịu án phí phúc thẩm.

4.2.1. Ông Lê Văn B được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002794 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

4.2.2. Bà Sơn Thị Mỹ Ng được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002795 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND Giang Thành
- THA dân sự Giang Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán Thẩm phán Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha